

Bản án số: 54/2026/HS-ST
Ngày: 26-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mai Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hồng Hải;
2. Bà Nguyễn Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: bà Hồ Thị Hoàng Sa – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Ngô Thanh An - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2026/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2026/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Võ Thị S, sinh ngày 01/01/1992, tại xã T, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: tổ I, thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Chí C và bà Võ Thị T; chồng đã ly hôn; bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2025; tiền án: ngày 14/10/2022, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án số 249/2022/HS-ST, đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 21/9/2024; tiền sự: ngày 25/02/2022, bị Công an xã B xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc trái phép” tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 08/QĐ-XPVPHC, chấp hành xong vào ngày 10/3/2022. Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

- Bị hại: bà Hồ Thị L, sinh năm 1962 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

+ Ông Châu Văn N, sinh năm 1957;

+ Chị **Châu Thị Hồng N1**, sinh năm 1991;

+ Anh **Châu Thành N2**, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: **số A, đường P, xã T, thành phố Đà Nẵng.**

+ Chị **Châu Thị Hằng N3**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: **thôn T, xã Đ, thành phố Đà Nẵng.**

+ Chị **Châu Thị Hồng N4**, sinh năm 1989. *Có mặt.*

Địa chỉ: **ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.**

Người đại diện theo ủy quyền của ông **N**, chị **N1**, chị **N3** và anh **N2** là chị **Châu Thị Hồng N4**, sinh năm 1989. *Có mặt.*

Địa chỉ: **ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.**

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà **Nguyễn Thị Lệ T1**, sinh năm 1979. *Vắng mặt*

Địa chỉ: **tổ G, thôn B, xã T, thành phố Đà Nẵng.**

+ Anh **Nguyễn Hữu Trường T2**, sinh năm 1992. *Có mặt.*

Địa chỉ: **thôn T, xã Đ, thành phố Đà Nẵng.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo **Võ Thị S** có giấy phép lái xe hạng A1 số 491179006524. Khoảng 07 giờ 45 phút ngày 06/8/2025, bị cáo điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, biển kiểm soát 92D1- 779.97 chở cháu **Nguyễn Ngọc Huy K** đến nhà chị **Nguyễn Thị Lệ T1** tại Km 973+420 **Quốc lộ A, thuộc thôn B, xã T, thành phố Đà Nẵng** để chở chị **T1** đi ăn sáng tại **thị trấn H**.

Khi đến nhà chị **T1**, bị cáo điều khiển xe dừng, đỗ tại phần lề đường phía trước hiên nhà chị **T1** khoảng một phút. Sau đó, chị **T1** từ trong nhà đi ra và ngồi lên phía sau xe mô tô biển kiểm soát 92D1- 779.97. Lúc này, bị cáo điều khiển xe mô tô chuyển hướng từ lề đường nhập vào làn đường xe chạy theo hướng **T - Đà Nẵng**. Do không quan sát các phương tiện đang lưu thông cùng chiều phía sau nên xe mô tô biển kiểm soát 92D1- 779.97 do bị cáo điều khiển đã va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 92K2- 0711 do bà **Hồ Thị L** điều khiển, đang lưu thông cùng chiều phía sau theo hướng **T - Đà Nẵng**. Hậu quả: bị cáo, chị **T1** và cháu **K** bị xây xát nhẹ. Bà **L** bị ngã chấn thương, hôn mê và được chuyển đến **bệnh viện Đ** điều trị đến ngày 13/8/2025 thì tử vong.

Tại Kết luận giám định pháp y tử thi số 995/KLGĐTT-KTHS ngày 02/10/2025 của **Phòng K1 Công an thành phố Đ** kết luận: nguyên nhân tử vong của bà **L** là do đa chấn thương (chấn thương sọ não, chấn thương ngực).

Tại kết luận giám định số 872/KL-KTHS ngày 11/9/2025 của **Phòng K1 Công an thành phố Đ** xác định dấu vết để lại trên xe mô tô biển kiểm soát 92D1- 779.97 và xe mô tô biển kiểm soát 92K2 - 0711 phù hợp với cơ chế hình thành tại điểm va chạm. Tại thời điểm ngay trước khi xảy ra va chạm, xe mô tô biển kiểm soát 92K2 – 0711 có tốc độ lớn hơn xe mô tô biển kiểm soát 92D1- 779.97.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

- + 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 92D1- 779.97 (đã trả cho chủ sở hữu);
- + 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 92K2 - 0711 (đã trả cho chủ sở hữu);
- + 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số 491179006524 mang tên **Võ Thị S.**

Về trách nhiệm dân sự: sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình nạn nhân số tiền 50.000.000 đồng. Gia đình bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 340.00.000 đồng. Đối với hư hỏng của hai xe mô tô, chủ sở hữu không yêu cầu bồi thường.

Tại Cáo trạng số 11/CT-VKSKV6-HS ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng đã truy tố bị cáo **Võ Thị S** về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo tại Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Võ Thị S** phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 xử phạt bị cáo mức án từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại theo quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng: căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: trả lại cho bị cáo 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số 491179006524 mang tên **Võ Thị S.**

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Nguyễn Thị Lê T1** vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai tại hồ sơ vụ án và sự vắng mặt của chị **T1** không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 292 và 299 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 tiến hành xét xử vắng mặt họ tại phiên tòa.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an thành phố Đ**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đối chiếu với lời khai của người tham gia tố tụng khác, với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận:

Bị cáo **Võ Thị S** có Giấy phép lái xe hạng A1 số 491179006524. Vào lúc 07 giờ 45 phút ngày 06/8/2025, tại Km 973+420 **Quốc lộ A thuộc thôn B, xã T, thành phố Đà Nẵng**, bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 92D1- 779.97 tham gia giao thông. Khi điều khiển xe từ lề đường nhập vào làn đường xe chạy, không chú ý quan sát, không đảm bảo an toàn cho các phương tiện đang lưu thông cùng chiều từ phía sau, cản trở sự lưu thông của các phương tiện tham gia giao thông dẫn đến tai nạn.

Hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024, là nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn làm bà **L** chết.

Như vậy, hành vi trên của bị cáo **S** đã phạm vào tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng số 11/CT-VKSKV6-HS ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: bị cáo nhận thức rõ xe mô tô khi đang lưu thông là nguồn nguy hiểm cao độ nhưng với tính chủ quan, bị cáo không quan sát khi nhập làn đường, không đảm bảo an toàn cho các phương tiện đang lưu thông cùng chiều từ phía sau, cản trở sự lưu thông của các phương tiện tham gia giao thông dẫn đến tai nạn. Hành vi của bị cáo có tính chất nguy hiểm, không những xâm phạm trực tiếp đến tính mạng của người khác mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn công cộng và gây sự hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân khi tham gia giao thông. Vì vậy, Hội đồng xét xử phải xử phạt bị

cáo mức án thật nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội, hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

[5]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: bị cáo có 01 tiền án: ngày 14/10/2022, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xử phạt 09 tháng tù về tội “*Đánh bạc*” và “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo Bản án số 249/2022/HS-ST và một tiền sự: ngày 25/02/2022, bị Công an xã B xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “*Đánh bạc trái phép*” tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 08/QĐ-XPVPHC, chấp hành xong vào ngày 10/3/2022. Bị cáo tiếp tục phạm tội “*Đánh bạc*”, đã bị khởi tố ngày 16/01/2026. Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình người bị hại; khi phạm tội, bị cáo đang mang mang thai; hiện bị cáo đang trực tiếp nuôi hai con nhỏ, trong đó có một người con dưới 12 tháng tuổi; bản thân bị cáo bị ung thư tuyến giáp giai đoạn I. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 nên được áp dụng khoản 3 Điều 54 khi quyết định mức hình phạt.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Gia đình bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường: chi phí cứu chữa, điều trị: 34.212.980 đồng; chi phí mai táng hợp lý: 119.063.500 đồng; tiền bù đắp tổn thất tinh thần 180.000.000 đồng và thiệt hại khác: 10.109.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu bồi thường 340.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 584, 585, 588, 591 Bộ luật Dân sự, Điều 3, Điều 8 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chấp nhận các chi phí sau:

- Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa: Chi phí khám chữa bệnh tại bệnh viện Đ1 (hóa đơn số 59952 ngày 08/8/2025): 1.587.466,5 đồng; chi phí khám chữa bệnh tại bệnh viện Đ: 955.314 đồng; Hóa đơn bán lẻ 06//2025: 2.055.0000 đồng; Hóa đơn ngày 13/8/2025: 280.000 đồng; Hóa đơn ngày 10/8/2025: 220.000 đồng; Hóa đơn mua sữa, tắm khô, súc miệng: 580.000 đồng; Mua chip phẫu thuật, mua miếng dán hạ áp suất não: 10.000.000 đồng; Chi phí đi lại để chăm sóc bệnh nhân từ Đà Nẵng - T - Đà Nẵng: 300.000 đồng; Chi phí ăn uống chăm bệnh 2.400.000 đồng; Chi tiền xe cấp cứu, phí bác sĩ, máy thở ô xy: 12.800.000 đồng. Tổng số tiền 31.177.780,5 đồng. Không chấp nhận tiền vé máy bay từ S về Đà Nẵng 1.436.600 đồng và ngược lại 1.598.600 đồng, tổng 3.035.200 đồng.

- Chi phí hợp lý cho việc mai táng tại hỏa đơn Chín Lài số tiền: 59.135.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu bồi thường sau: chi phí làm mộ tại các bảng kê hàng hóa vật liệu xây dựng Hòa Hiệp 12.490.000 đồng và 3.024.000 đồng; bảng kê chi phí công thợ xây dựng 18.000.000 đồng; chi phí bia, sen, hạt phước: 5.500.000 đồng; điện 2.420.000 đồng; sắt + tôn hoa sen, công thợ: 17.700.000 đồng; tiền khoan giếng nước: 800.000 đồng; tiền vé máy bay con cháu về đám tang 10.109.000 đồng. Tổng số tiền: 70.035.400 đồng.

- Tiền bù đắp tổn thất tinh thần: 180.000.000 đồng.

Tổng số tiền bồi thường được chấp nhận 270.312.780,5 đồng. Tổng số tiền yêu cầu bồi thường không được chấp nhận 73.070.400 đồng.

[7]. Đối với những vấn đề liên quan đến vụ án:

- Đối với chị **Nguyễn Thị Lệ T1**: sau khi tai nạn xảy ra, chị **T1** bị phản mềm, không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với xe mô tô biển kiểm soát 92D1- 779.97 do anh **Nguyễn Hữu Trường T2** làm chủ sở hữu. Anh **T2** cho bị cáo mượn sử dụng làm phương tiện đi lại. Đối với xe mô tô biển kiểm soát 92K2 – 0711: ông **Châu Văn T3** làm chủ sở hữu, ông **T3** đã cho vợ chồng ông **N** và bà **L**. Cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu là phù hợp.

[8]. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: trả lại cho bị cáo 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 số 491179006524 mang tên **Võ Thị S**.

[9]. Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10]. Về quyền kháng cáo: bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 38, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; các Điều 30, 106, 136, 260, 268, 269, 292, 299, 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 588, 591 Bộ luật Dân sự; các Điều 3, 8 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân

tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: bị cáo **Võ Thị S** phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Xử phạt: bị cáo **Võ Thị S** 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: bị cáo **Võ Thị S** có nghĩa vụ bồi thường cho gia đình bị hại bà **Hồ Thị L** số tiền 270.312.780,5 (*Hai trăm bảy mươi triệu ba trăm mười hai nghìn bảy trăm tám mươi phẩy năm*) đồng. Bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 50.000.000 đồng tại cơ quan điều tra, số tiền bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho gia đình bị hại là 220.312.780,5 (*Hai trăm hai mươi triệu ba trăm mười hai nghìn bảy trăm tám mươi phẩy năm*) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng: trả lại cho bị cáo 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 số 491179006524 mang tên **Võ Thị S**.

(*Giấy phép lái xe hạng A1 số 491179006524 mang tên **Võ Thị S** được chuyển kèm theo hồ sơ vụ án sẽ được chuyển cho cơ quan thi hành án kèm theo bản án. Riêng số tiền 50.000.000 đồng được tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước khu vực XIII vào số tài khoản 3949.0.9126902.00000 của Văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố Đ***).

4. Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 13.516.000 (*Mười ba triệu năm trăm mười sáu nghìn*) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26-5-2026). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 6 - Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Văn phòng Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT CA thành phố Đà Nẵng;
- Bộ phận HSNV CA thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo, người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Loan